

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/5/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Thành.

Bà Nguyễn Thị Khánh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Dương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Văn Phán và bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST- HNGĐ ngày 09/11/2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NDL, sinh năm 1994, có mặt.

Trú tại: Số C, ngách V, ngõ T, đường HHT, thị trấn YVn, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh DĐL, sinh năm 1990, có mặt.

Trú tại: Thôn Hng Phg, xã Y Bg, huyện L Thy, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, chị NDL trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh DĐL năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2015 tại UBND thị trấn YVn, huyện GL, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn, tôi và anh DĐL tìm hiểu nhau trên tinh thần tự nguyện, hai bên gia đình

có tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về chung sống với mẹ đẻ tôi. Thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh DĐL không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Anh DĐL đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Hng Phg, xã Y Bg, huyện L Thy, tỉnh Hòa Bình kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng tôi không quan tâm gì đến nhau nữa, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh DĐL.

- *Về con chung*: Tôi và anh DĐL có 02 (hai) người con chung tên là DAKN, sinh ngày 21/9/2016 và DLhTrg, sinh ngày 09/8/2019. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được quyền nuôi hai con chung và chưa yêu cầu anh DĐL cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn trong bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, anh DĐL trình bày*: Tôi và chị NDL kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn YV, huyện GL, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn chúng tôi tìm hiểu nhau là tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng tôi về cùng chung sống với mẹ đẻ bên vợ. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng có hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do làm ăn kinh tế. Đến tháng 8 năm 2023, tôi về Y Bg ở với bố mẹ đẻ của tôi.

Chị NDL kiên quyết xin ly hôn thì tôi cũng nhất trí ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng tôi có 02 (hai) người con chung tên là DAKN, sinh ngày 21/9/2016 và DLhTrg, sinh ngày 09/8/2019. Tôi có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con cho đến khi trưởng thành, tôi chưa yêu cầu chị NDL cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, tôi nhất trí để hai con cho chị NDL nuôi dưỡng. Tôi xin được giữ quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị NDL, anh DĐL, thể hiện: Anh DĐL có về sống với mẹ đẻ tại thôn Hng Phg, xã Y Bg, huyện L Thy, tỉnh Hòa Bình từ khoảng tháng 8 năm 2023. Dịp tết âm lịch Giáp Thìn 2024 có hai con anh DĐL về chơi tết, không có chị NDL về ở cùng.

* Tại bản xác nhận thu nhập tại công ty chị NDL đang làm việc ngày 18/3/2024 cho thấy hiện chị NDL đang là nhân viên kế toán có mức lương cơ bản là 15.000.000 đồng/tháng, Phụ cấp 1.000.000 đồng/tháng. Cộng các khoản thu nhập khác tổng cộng là 16.000.000 đồng/tháng.

* Bà Phạm Thị Mười là mẹ đẻ của chị NDL cam kết dành chỗ ở cho mẹ con chị NDL, bà đảm bảo tiếp tục hỗ trợ chị NDL trong việc chăm sóc, giáo dục các con của chị NDL, anh DĐL.

* Anh DĐL khai tại Tòa: Tôi đang đi làm tại Công ty Gốm Sứ Y Bg, với mức thu nhập 7.500.000 đồng/tháng, có hợp đồng lao động. Ngoài ra, không có thu nhập gì khác. Hiện tôi ở chung với bố mẹ đẻ.

* Nguyên vọng của cháu DAKN xin được ở với mẹ.

*** Những nội dung các bên đã thống nhất:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh DĐL không nhất trí ly hôn, nhưng chị NDL kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

- Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn: Chị NDL và anh DĐL đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh DĐL đồng ý giao con cho chị NDL trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con không có ai yêu cầu.

- Các bên đương sự đều đã được kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bên kia nộp: Không có đề nghị gì khác về chứng cứ.

*** Những nội dung các bên không thống nhất:** Không có.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của BLTTDS. Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị NDL và anh DĐL mâu thuẫn đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho chị NDL được ly hôn với anh DĐL.

- *Về con chung:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD giao con chung là DAKN và DLhTrg cho chị NDL trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị NDL chưa yêu cầu anh DĐL cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị NDL, anh DĐL khai không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Hng Phg, xã Y Bg, huyện L Thy, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân:

Chị NDL và anh DĐL kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn YV, huyện GL, thành phố Hà Nội. Quan hệ hôn nhân giữa chị NDL và anh DĐL là tự nguyện, hợp pháp. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, từ năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh gay gắt. Chị NDL, anh DĐL ly thân nhau (anh DĐL về Y Bg, huyện L Thy để ở với mẹ đẻ của anh DĐL), nguyên nhân do hai vợ chồng không thống nhất được làm kinh tế, đến nay chị NDL và anh DĐL không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Tại phiên tòa anh DĐL nhất trí ly hôn. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị NDL và anh DĐL không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị NDL có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

* Về con chung:

Chị NDL và anh DĐL có 02 con chung là cháu DAKN, sinh ngày 21/9/2016 và DLhTrg, sinh ngày 09/8/2019. Chị NDL vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nay ly hôn, chị NDL có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh DĐL phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh DĐL nhất trí giao hai con cho chị NDL trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu DAKN có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu DLhTrg, cháu DAKN từ khi còn nhỏ đến nay đều do chị NDL trực tiếp chăm sóc, các cháu là con gái nên cần giao các cháu cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, không bị thay đổi về tâm sinh lý. Do đó, HĐXX giao cho chị NDL trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu DAKN và DLhTrg cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi

khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

** Về tài sản chung, công nợ chung:*

Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]. *Về án phí:* Chị NDL phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị NDL được ly hôn với anh DĐL.

2. *Về con chung:* Giao con chung DAKN, sinh ngày 21/9/2016 và DLhTrg, sinh ngày 09/8/2019 cho chị NDL trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu DAKN, cháu DLhTrg đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh DĐL được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NDL chưa yêu cầu anh DĐL cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị NDL phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001864 ngày 09/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy. Chị NDL đã nộp xong.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Thái Hùng Dũng